

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số nhà 03, ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ah Nguyễn Duy A, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà 136, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim D và Ah Nguyễn Duy A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/4/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh A là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim D và Ah Nguyễn Duy A có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày 24/10/2018. Hiện cháu H đang sống với chị D, quá trình nuôi dưỡng, chị D vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Chị D và anh A thỏa thuận, sau khi anh chị ly hôn, chị D sẽ tiếp tục nuôi con chung là cháu H. Sự thỏa thuận này phù hợp

với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao cháu H cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Anh A và chị D thỏa thuận anh A cấp dưỡng cho con chung theo định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/3/2023. Việc thỏa thuận này của anh A và chị D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về việc thay đổi mức cấp dưỡng cho con và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Duy A cùng khai anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Duy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Do anh chị thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Duy A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Duy A có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày 24/10/2018.

Chị Nguyễn Thị Kim D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã H, sinh ngày 24/10/2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ah Nguyễn Duy A cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Nhã H theo định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 24/3/2023.

Ah Nguyễn Duy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Duy A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ah Nguyễn Duy A phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh A đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003114 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh A đã nộp đủ lệ phí.

Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị D đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003113 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền